

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP TỪ MẦM NON LÊN TIỂU HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Nguyễn Ngọc Trâm - Trường Mầm non 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận bài: 15/01/2020; ngày chỉnh sửa: 10/02/2020; ngày duyệt đăng: 19/02/2020.

Abstract: In the current reality, the support for children in transition period has not been given adequate attention. The level of interest is also different for each specific target group - children in cities and rural, mountainous and disadvantaged areas. The article presents the results in research the reality of managing children support activities in the transition period from kindergarten to primary school in at Tan Binh district, Ho Chi Minh city. The research results are a practical basis for proposing measures to improve the quality of activities at these kindergartens.

Keywords: Current status, management, support for children, the transition period.

1. Mở đầu

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp, trong đó mục tiêu cụ thể nêu rõ: “*Đối với giáo dục mầm non (MN), giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, thẩm mỹ, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1*” [1]. Công tác chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi bước vào lớp 1 là giai đoạn quan trọng trong quá trình giáo dục ở trường MN. Công tác chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng bước vào lớp 1 không chỉ giúp cho trẻ tự tin tiếp nhận chương trình học (khác hẳn ở bậc MN) mà còn giúp cho cha mẹ học sinh (CMHS) hiểu đúng công việc và chức năng của giáo viên (GV) MN, hiểu một cách khoa học hơn về việc học đúng lứa tuổi, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục không chỉ ở cấp MN mà còn ở cấp tiểu học (TH). Chính vì tầm quan trọng như vậy, việc quản lý hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại các trường MN trở thành một nhiệm vụ quan trọng của hiệu trưởng nhà trường. Quản lý tốt hoạt động này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tạo sự yên tâm và tin tưởng cho CMHS và xã hội.

Để có cơ sở cho việc đề xuất những biện pháp quản lý hiệu quả, bài viết trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại các trường MN quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về tổ chức khảo sát thực trạng

- *Mục tiêu khảo sát:* Nhằm làm rõ thực trạng quản lý hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại các trường MN trên địa bàn quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

- *Nội dung khảo sát:* Mức độ thực hiện việc lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH.

- *Thời gian và địa bàn khảo sát:* Khảo sát được tiến hành vào thời điểm tháng 9/2019 tại 10 trường MN ở quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, bao gồm: MN Quận, MN Bàu Cát, MN 11, MN 13, MN 14, MN Tân Sơn Nhất, MN 1A, MN 4, MN 5, MN Hòa Mi.

- *Đối tượng khảo sát:* 25 cán bộ quản lý (CBQL) nhà trường (10 hiệu trưởng, 15 phó hiệu trưởng), 98 GV (trong đó có 10 tổ trưởng chuyên môn).

- *Phương pháp khảo sát:*

+ *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi:* Đối tượng khảo sát được yêu cầu trả lời các câu hỏi với các mức độ theo thang điểm được quy ước cụ thể như sau: 1 điểm - *Kém*; 2 điểm - *Yếu*; 3 điểm - *Trung bình*; 4 điểm - *Khá*; 5 điểm - *Tốt*. Điểm trung bình (ĐTB) được chia ra 5 mức độ: *1-1,80 điểm: Kém; 1,81-2,60 điểm: Yếu; 2,61-3,40 điểm: Trung bình; 3,41-4,20 điểm: Khá; 4,21-5,0 điểm: Tốt.*

Sau khi thu được số liệu, chúng tôi tổng hợp và tính ra ĐTB, độ lệch chuẩn (ĐLC) và xếp hạng (XH) các nội dung.

+ *Phương pháp phỏng vấn sâu:* Phương pháp này được tiến hành nhằm làm rõ hơn kết quả thu nhận từ bảng hỏi. Khách thể phỏng vấn gồm: 05 CBQL và 10 GV trường MN. Danh tính của các đối tượng tham gia phỏng vấn được mã hóa như sau: CBQL01 đến CBQL05; GV01 đến GV10.

+ *Phương pháp nghiên cứu hồ sơ:* Nghiên cứu các văn bản, kế hoạch, báo cáo, hồ sơ có liên quan đến quản lý hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại 10 trường MN được khảo sát.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học

Kết quả khảo sát thu được như sau (bảng 1):

Bảng 1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại các trường MN quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá								
		CBQL			GV			Tổng hợp		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Lập kế hoạch về hình thành sự sẵn sàng của trẻ	3,40	0,50	2	3,28	0,59	2	3,34	0,55	2
2	Lập kế hoạch về hình thành sự sẵn sàng của nhà trường	3,48	0,53	1	3,40	0,49	1	3,44	0,51	1
3	Lập kế hoạch về hình thành sự sẵn sàng của gia đình	3,31	0,41	3	3,17	0,43	3	3,24	0,42	3
Đánh giá chung		3,40	0,48		3,28	0,50		3,34	0,49	

Bảng 1 cho thấy, cả CBQL và GV đều đánh giá việc lập kế hoạch hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại trường MN ở mức “Trung bình” (ĐTB chung là 3,34); trong đó ở mỗi nội dung, CBQL đều đánh giá cao hơn GV, XH các nội dung là giống nhau. Trong khi CBQL đánh giá *Lập kế hoạch về hình thành sự sẵn sàng của nhà trường* ở mức “Khá” mặc dù điểm không cao (3,48 điểm), hai nội dung còn lại ở mức “Trung bình” thì GV đánh giá cả ba nội dung này đều ở mức “Trung bình”. Qua đó cho thấy, CBQL và GV có sự đánh giá khác nhau về mức độ thực hiện việc lập kế hoạch hoạt động này ở các trường MN.

Trong ba nội dung lập kế hoạch, CBQL và GV đều đánh giá cao nhất nội dung *Lập kế hoạch về hình thành sự sẵn sàng của nhà trường* (CBQL: 3,48; GV: 3,40) và thấp nhất là nội dung *Lập kế hoạch về hình thành sự sẵn sàng của gia đình* (CBQL: 3,31; GV: 3,17). Để có thông tin đầy đủ hơn cho kết quả này, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 05 CBQL và 10 GV trường MN; đa số các ý kiến đều khẳng định: *Nhà trường đều có kế hoạch cụ thể cho mỗi năm học, nhưng kế hoạch chủ yếu tập trung vào những nội dung mà Chương trình MN quy định hoặc có đề cập tới hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH nhưng chỉ dưới dạng chung chung; còn kế hoạch phối hợp với gia đình thì chủ yếu giao cho GV chủ nhiệm lớp chịu trách nhiệm xây dựng, nhưng việc liên hệ với CMHS để thống nhất trong việc xây dựng kế hoạch gặp nhiều khó khăn do đa số CMHS chưa hiểu rõ nội dung của hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH, hơn nữa họ vẫn phó mặc cho nhà trường trong việc nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục (NDCS-GD) trẻ là chính...*

Qua nghiên cứu *Kế hoạch năm học 2018-2019* của 10 trường MN được khảo sát, chúng tôi nhận thấy: Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch năm học có thể hiện rõ nội dung NDCS-GD trẻ, xác định rõ mục tiêu và các giải

pháp tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ. Từ kế hoạch chung của trường, hiệu trưởng triển khai kế hoạch đến tổ khối chuyên môn, đến GV các lớp xây dựng kế hoạch phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý của trẻ mà mình phụ trách. Mặc dù trong kế hoạch có lồng ghép nội dung hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH, nhưng thể hiện hoạt động này chưa rõ nét, kế hoạch còn chung chung, mục tiêu chưa rõ ràng, đặc biệt là mục tiêu hướng tới các tiêu chí (biểu hiện) thể hiện trẻ và gia đình sẵn sàng chưa được thể hiện trong kế hoạch, các hoạt động chưa cụ thể...

2.2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học

Kết quả khảo sát thu được như sau (bảng 2, trang bên):

Bảng 2 cho thấy, kết quả đánh giá công tác “tổ chức” hoạt động hỗ trợ là thống nhất với kết quả đánh giá công tác “lập kế hoạch”, tức là kế hoạch thực hiện chưa tốt nội dung nào thì việc tổ chức hoạt động cũng chưa tốt nội dung đó. Cụ thể: trật tự XH các nội dung là giống như công tác “lập kế hoạch”, tức là nội dung *Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của gia đình* vẫn được đánh giá thấp nhất; GV vẫn đánh giá thấp các nội dung hơn là CBQL đánh giá. Trong khi CBQL đánh giá việc *Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của nhà trường* và *Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của trẻ* ở mức “Khá” (ĐTB lần lượt là 3,50 và 3,42), nội dung còn lại ở mức “Trung bình”, thì GV lại đánh giá chỉ có nội dung *Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của nhà trường* ở mức “Khá” (3,43 điểm), hai nội dung còn lại đều ở mức “Trung bình” (3,27 và 3,12 điểm). ĐTB chung cũng cho thấy, nội dung *Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của trẻ* và *Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của gia đình* chỉ ở mức “Trung bình” (3,35 và 3,24

Bảng 2. Thực trạng tổ chức hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại các trường MN quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá								
		CBQL			GV			Tổng hợp		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của trẻ	3,42	0,54	2	3,27	0,57	2	3,35	0,56	2
2	Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của nhà trường	3,50	0,59	1	3,43	0,42	1	3,47	0,51	1
3	Tổ chức hình thành sự sẵn sàng của gia đình	3,36	0,45	3	3,12	0,41	3	3,24	0,43	3
Đánh giá chung		3,43	0,53		3,27	0,47		3,35	0,50	

điểm). Qua đó tiếp tục khẳng định, việc phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại trường MN là chưa tốt.

Thực hiện phỏng vấn sâu các đối tượng là CBQL, GV các trường MN, chúng tôi thu nhận được một số ý kiến: CBQL03 cho rằng: “Nhà trường có phân công cho GV chính của lớp thực hiện việc liên hệ với CMHS để có kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức hỗ trợ trẻ, nhưng do GV đảm nhiệm nhiều công việc ở trường nên thời gian gặp CMHS rất hạn chế, khiến cho việc thống nhất các công việc không được như mong muốn”. Theo GV02 (Tổ trưởng chuyên môn): “Tổ chuyên môn chưa thực hiện sinh hoạt định kì theo quy định, dẫn đến việc trao đổi, nắm bắt thông tin, chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn này và phân công phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ còn gặp nhiều khó khăn”. GV03 nhận xét: “Tổ chức thực hiện các nội dung của hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của các đồng nghiệp đi trước hướng dẫn; nhà trường chưa chú trọng bồi dưỡng, tập huấn cho GV về công tác này một cách

bài bản”. GV01 phản nản: “*Khi làm việc với CMHS để thống nhất một số nội dung trong hoạt động hỗ trợ thì đa số CMHS có ý kiến rằng, chuẩn bị cho trẻ từ mẫu giáo vào lớp 1 là cho trẻ học trước chương trình lớp 1 như học đọc, học viết và làm toán là quan trọng nhất*”.

Như vậy, hiệu trưởng nhà trường có tổ chức việc thực hiện hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH nhưng việc tổ chức gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là từ phía CMHS và kĩ năng tổ chức của GV trong việc phối hợp với gia đình. Vì vậy, để quản lí tốt hoạt động này, hiệu trưởng cần chú trọng hơn việc phân công, giao việc cụ thể, đôn đốc nhắc nhở, động viên thực hiện và giao cho phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục thường xuyên kiểm tra công tác phối hợp giữa các GV, giữa GV với CMHS và đánh giá sau mỗi hoạt động được tổ chức.

2.2.3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học

Kết quả khảo sát như sau (bảng 3):

Bảng 3 cho thấy, chỉ đạo hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại 10 trường MN được đánh giá ở mức độ “Khá” với ĐTB chung là 3,47;

Bảng 3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại các trường MN quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá								
		CBQL			của GV			Tổng hợp		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Chỉ đạo hình thành sự sẵn sàng của trẻ	3,60	0,52	1	3,43	0,58	2	3,52	0,53	1
2	Chỉ đạo hình thành sự sẵn sàng của nhà trường	3,56	0,64	2	3,44	0,29	1	3,50	0,57	2
3	Chỉ đạo hình thành sự sẵn sàng của gia đình	3,39	0,45	3	3,38	0,40	3	3,39	0,41	3
Đánh giá chung		3,52	0,54		3,42	0,46		3,47	0,51	

trong đó, CBQL vẫn đánh giá cao hơn GV ở tất cả các nội dung của chức năng này. Cả CBQL và GV đều đánh giá nội dung *Chỉ đạo hình thành sự sẵn sàng của gia đình* thấp nhất - ở mức “*Trung bình*” (3,39 và 3,38 điểm); các nội dung còn lại đều được hai đối tượng này đánh giá ở mức “*Khá*”. Tuy nhiên, có sự khác biệt về XH các nội dung: khi CBQL đánh giá nội dung *Chỉ đạo hình thành sự sẵn sàng của trẻ* là tốt nhất, nội dung *Chỉ đạo hình thành sự sẵn sàng của nhà trường* xếp thứ 2 thì GV lại đánh giá ngược lại đối với hai nội dung này. Qua đó cho thấy sự không thống nhất về đánh giá giữa CBQL và GV về việc chỉ đạo hoạt động này.

Thực hiện phỏng vấn sâu một số CBQL và GV của 10 trường MN của Quận, chúng tôi thu được kết quả thống nhất với kết quả điều tra bằng bảng hỏi. Cụ thể: CBQL3 có ý kiến: “*Lãnh đạo nhà trường luôn bám sát vào các văn bản chỉ đạo của cấp trên về vấn đề CSND-GD trẻ, trong đó có nội dung hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH; việc chỉ đạo GV và cán bộ nhà trường là không khó khăn, nhưng quán triệt tới các bậc CMHS thì chỉ là mang tính chất thông báo chứ không mang tính chất chỉ đạo họ phải thực hiện bằng được mục tiêu đặt ra về hoạt động này, chúng tôi chỉ làm công tác tuyên truyền là chính*”. GV05 thì bày tỏ: “*Lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo thực hiện công tác này ngay từ đầu năm và thường xuyên nhắc nhở các bộ phận liên quan phối hợp thực hiện; dù tiếp thu sự chỉ đạo của cấp trên nhưng do thời gian hạn hẹp nên các GV khó có thể ngồi lại với nhau để cùng chia sẻ kinh nghiệm và đa số còn thiếu kỹ năng thực hiện hoạt động hỗ trợ...*”. Như vậy, trong thời gian tới, cần có những lớp tập huấn về tổ chức hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH cho cả CBQL và GV các trường này.

2.2.4. *Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học*

Kết quả khảo sát thu được ở bảng 4:

Bảng 4. *Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại các trường MN quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh*

TT	Nội dung	Kết quả đánh giá								
		CBQL			GV			Tổng hợp		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Kiểm tra, đánh giá hình thành sự sẵn sàng của trẻ	2,64	0,43	2	2,58	0,40	2	2,61	0,42	2
2	Kiểm tra, đánh giá hình thành sự sẵn sàng của nhà trường	2,70	0,42	1	2,63	0,41	1	2,67	0,42	1
3	Kiểm tra, đánh giá hình thành sự sẵn sàng của gia đình	2,58	0,40	3	2,55	0,39	3	2,57	0,40	3
	Đánh giá chung	2,64	0,42		2,59	0,40		2,61	0,41	

Bảng 4 cho thấy, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH được đánh giá thấp nhất trong các chức năng quản lí. Mặc dù đánh giá chung vẫn đạt ở mức “*Trung bình*” nhưng ĐTB chung rất thấp (2,61 điểm - gần sát với mức “*Yếu*”), trong đó tiếp tục ghi nhận đánh giá của CBQL là cao hơn GV (2,64 > 2,59). Trong khi CBQL đánh giá nội dung *Kiểm tra, đánh giá hình thành sự sẵn sàng của nhà trường* và *Kiểm tra, đánh giá hình thành sự sẵn sàng của trẻ* ở mức độ “*Trung bình*” mặc dù điểm không cao (2,70 và 2,64), nội dung còn lại ở mức “*Yếu*”, thì GV lại đánh giá chỉ duy nhất nội dung *Kiểm tra, đánh giá hình thành sự sẵn sàng của nhà trường* ở mức “*Trung bình*”, hai nội dung còn lại đều ở mức “*Yếu*” với ĐTB rất thấp (2,58 và 2,55 điểm). Đánh giá chung của GV chỉ ở mức “*Yếu*” với 2,59 điểm. Kết quả đánh giá tiếp tục cho thấy sự yếu kém trong việc quản lí “*hình thành sự sẵn sàng của gia đình*” khi cả CBQL và GV đều đánh giá việc kiểm tra, đánh giá nội dung này ở mức “*Yếu*”.

Để có thêm thông tin về thực trạng này, chúng tôi đã thực hiện phỏng vấn sâu CBQL và GV ở 10 trường MN về tình hình thực hiện chức năng kiểm tra, đánh giá, kết quả thu nhận một số ý kiến đáng chú ý như sau: Theo CBQL01: “*Hiệu trưởng có kiểm tra kết quả thực hiện hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH nhưng chưa thường xuyên, chỉ tập trung vào những buổi sơ kết và tổng kết năm học và đánh giá hoạt động này thì chưa dựa trên tiêu chí cụ thể, do đó không biết được tiêu chí nào đã đạt được và chưa đạt được*”. GV06 thì cho rằng: “*Việc kiểm tra, đánh giá hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH chưa thực sự được quan tâm đúng mức, chỉ dừng lại ở mức nhắc lại nội dung này vào những buổi họp và tổng kết chứ chưa có những đánh giá cụ thể các tiêu chí đạt được. Hiệu trưởng chủ yếu yêu cầu GV báo cáo về việc thực hiện các phương pháp giáo dục chứ ít quan tâm đến kết quả thực hiện việc phối hợp với CMHS trong việc hình thành sự sẵn sàng của trẻ*”. GV03 thì nhận định: “*Nhìn chung, lãnh đạo*

nhà trường chỉ tập trung vào việc kiểm tra những nội dung về mặt chuyên môn theo quy định của Sở GD-ĐT; do đó, GV cũng chỉ tập trung vào những nội dung này để thực hiện và báo cáo, còn việc đánh giá sự sẵn sàng của gia đình thì chúng tôi chỉ có cơ hội trao đổi với CMHS vào những dịp họp phụ huynh chứ không đủ thời gian để đánh giá từng tiêu chí”.

Kiểm tra hồ sơ của các trường này, chúng tôi cũng nhận thấy, nhà trường có xây dựng kế hoạch, có phân công và chỉ đạo nhưng thiếu kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất và không thấy tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm hoạt động này ở các cuộc họp chuyên môn tổ, khối, họp hội đồng sư phạm hay họp liên tịch.

3. Kết luận

Như vậy, sự phối hợp của ba phương pháp khảo sát đã thu được kết quả đáng tin cậy. Hiệu trưởng các trường MN quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh thực hiện tốt nhất chức năng “chỉ đạo” hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH xếp hạng 1; sau đó lần lượt là tổ chức, lập kế hoạch và kiểm tra, đánh giá. Các nhà trường chưa làm tốt việc “hình thành sự sẵn sàng của gia đình”, trong đó yếu nhất là kiểm tra, đánh giá nội dung này. Kết quả thu được từ thực tiễn khảo sát sẽ là cơ sở để các cấp lãnh đạo và CBQL có những biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ MN lên TH tại các trường MN quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [2] Trần Kiểm (2014). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Bộ GD-ĐT - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (2016). *Giáo viên hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học (tài liệu tham khảo)*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Bộ GD-ĐT - Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (2016). *Nâng cao năng lực quản lý sự thay đổi của hiệu trưởng để hỗ trợ trẻ trong giai đoạn chuyển tiếp từ mầm non lên tiểu học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Bộ GD-ĐT (2008). *Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về Ban hành Điều lệ trường mầm non*.
- [6] Trần Ngọc Giao (chủ biên, 2013). *Quản lý trường mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Phạm Thị Mai Chi (2015). *Các hoạt động giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.

THIẾT KẾ TÀI LIỆU DẠY HỌC...

(Tiếp theo trang 42)

Hi vọng rằng, tài liệu Phương pháp dạy học Toán theo module mà chúng tôi đã xây dựng sẽ là một tài liệu tham khảo, giúp GV ở các trường CĐSP nước CHDCND Lào đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực người học; giúp SV tự học, tự nghiên cứu để tìm kiếm tri thức, nâng cao khả năng hợp tác, giải quyết các vấn đề cho các em, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường CĐSP.

Lời cảm ơn: *Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Thái Nguyên trong Đề tài khoa học và công nghệ, mã số ĐH2018-TN06-08.*

Tài liệu tham khảo

- [1] Dương Huy Cận (2010). *Tăng cường năng lực tự học cho sinh viên hóa học ở trường đại học sư phạm bằng phương pháp tự học có hướng dẫn theo module*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [2] Vũ Quốc Chung - Lê Hải Yến (2004). *Để tự học có hiệu quả*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Outhay Bannavong (2013). *Vận dụng quan điểm hoạt động vào dạy học Số học và Đại số lớp 6 ở trường phổ thông nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4] Meyer R (1986). *Modules - from Design to Use*. Columbus University.
- [5] Lê Khánh Bằng (1998). *Tổ chức phương pháp tự học cho sinh viên*. NXB Giáo dục.
- [6] Nguyễn Ngọc Bảo - Hà Thị Đức (1999). *Tổ chức hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở*. NXB Giáo dục.
- [7] V.A. Cruchetxki (1981). *Những cơ sở của tâm lý học sư phạm* (tập 1, 2). NXB Giáo dục.
- [8] Lê Hiến Dương (2008). *Hình thành và phát triển năng lực tự học cho sinh viên ngành Toán hệ cao đẳng sư phạm*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Vinh.
- [9] Nguyễn Văn Giao - Nguyễn Hữu Quỳnh - Vũ Văn Tào (2001). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [10] Đặng Vũ Hoạt (chủ biên) - Hà Thị Đức (2009). *Lí luận dạy học đại học*. NXB Đại học Sư phạm.
- [11] Jab Vongthavy (2014). *Vận dụng một số phương pháp dạy học nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên trong dạy học Giải tích ở trường cao đẳng sư phạm nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [12] Nguyễn Bá Kim (2015). *Phương pháp dạy học môn Toán*. NXB Đại học Sư phạm.